

Số: 30/2023/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 13 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Bổ sung Bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn kèm theo Quyết định số 06/2020/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2020; Quyết định số 51/2022/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 96/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định về khung giá đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 23 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn thông qua bổ sung Bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung Bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn kèm theo Quyết định số 06/2020/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2020; Quyết định số 51/2022/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn, kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 11 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các đơn vị sản xuất kinh doanh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ PC - Bộ TN&MT;
- Vụ PC - Bộ Tài chính;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy;
- TT Hội đồng nhân dân tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- LĐVP;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu VT, NNTNMT, NCPC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đăng Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT ĐỊNH KỲ 05 NĂM (2020 - 2024) TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC KẠN KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 06/2020/QĐ-UBND NGÀY 01 THÁNG 7 NĂM 2020 VÀ QUYẾT ĐỊNH SỐ 51/2022/QĐ-UBND NGÀY 20 THÁNG 12 NĂM 2022 CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN
(Ban hành kèm Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

I. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
THÀNH PHỐ BẮC KẠN		
PHƯỜNG PHÙNG CHÍ KIÊN		
1	Từ hết đất ông Hà Như Hợi đến hết đất bà Phan Thị Thanh Xuân (<i>thừa đất 374, tờ bản đồ 60</i>)	900
2	Tuyến đường Khu dân cư sau trụ sở Viettel (<i>Từ hết đất ông Dương Văn Hải đến hết đất ông Hoàng Huy Hoàng, đến hết đất bà Bùi Thị Duyên, đến hết đất ông Nguyễn Văn Lợi, đến hết đất ông Liêu Đức Duy và đến hết đất ông Nguyễn Mạnh Hùng</i>)	2.000
PHƯỜNG SÔNG CẦU		
1	Khu dân cư Thôm Dầy	
1.1	Trục đường nội bộ khu dân cư có lộ giới 13,5m	5.000
1.2	Trục đường nội bộ khu dân cư có lộ giới 11,5m	4.500
2	Từ cách lộ giới đường Võ Nguyên Giáp là 20m ra đường Thanh Niên (<i>cách lộ giới đường Thanh Niên là 20m</i>)	10.000
3	Tuyến đường thành phố Bắc Kạn - hồ Ba Bể (<i>cách lộ giới đường Nông Quốc Chấn là 20m đến hết địa phận phường Sông Cầu</i>)	2.500
4	Từ giáp đất ông Nguyễn Quang Trung đến hết đất ông Lèng Văn Phương	2.000
PHƯỜNG NGUYỄN THỊ MINH KHAI		
1	Từ đất ông Khương Văn Chính đến ngầm Bắc Kạn	3.000
PHƯỜNG HUYỀN TỤNG		
1	Khu dân cư Thương mại và Chợ Nguyễn Thị Minh Khai	
1.1	Trục đường bao quanh Chợ Nguyễn Thị Minh Khai	13.000
1.2	Các trục đường còn lại	11.000
PHƯỜNG XUẤT HÓA		
1	Đường Bản Đôn - Mai Hiên	400

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	HUYỆN BA BÈ	
	THỊ TRẤN CHỢ RÃ	
1	Dự án vùng nguy cơ sạt lở cao thị trấn Chợ Rã (TK4)	
1.1	Trục đường nội bộ khu dân cư có lộ giới là 17,5m	3.700
1.2	Trục đường nội bộ khu dân cư có lộ giới là 11,5m	3.400
	HUYỆN NGÂN SƠN	
A	THỊ TRẤN VÂN TÙNG	
I	Trục QL3 (đi về phía Nam) dọc hai bên đường	
1	Từ đường rẽ Lâm trường đến hết đất ông Lương Văn Thành	2.000
2	Từ hết đất ông Lương Văn Thành đến cổng Trường Tiểu học Vân Tùng	1.300
3	Từ hết Trường Tiểu học Vân Tùng đến đất bà Hoàng Thị Quế	
3.1	Khu đấu giá quyền sử dụng đất	2.600
3.2	Các khu vực còn lại	1.500
4	Từ hết đất bà Hoàng Thị Quế đến đất bà Hoàng Thị Duyên (đường rẽ Lãng Đôn)	600
5	Từ hết đất bà Hoàng Thị Duyên (Lãng Đôn) đến đường rẽ thôn Cốc Lùng	300
6	Từ đường rẽ thôn Cốc Lùng đến hết đất Cây xăng Đèo Gió	350
7	Từ hết đất Cây xăng Đèo Gió đến giáp đất thị trấn Nà Phặc	700
II	Trục QL3 (đi về phía Bắc dọc hai bên đường)	
1	Từ đường rẽ Lâm trường đến đường rẽ đất ông Triệu Văn Ni	1.500
2	Từ hết đất ông Triệu Văn Ni đến hết địa phận thị trấn Vân Tùng (giáp đất xã Đức Vân)	400
III	Các trục đường khác	
1	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m lên trường nội trú	750
2	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m lên Trạm Truyền hình và trường Trung học phổ thông Ngân Sơn	650

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
3	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m lên đến hết đất trụ sở Lâm trường	500
4	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m đến hết đất ông Hoàng Văn Cầm (khu I)	1.600
5	Từ hết đất ông Hoàng Văn Cầm đến hết đất ông Hoàng Văn Chức (lô 69, khu II)	1.500
6	Từ hết đất ông Hoàng Văn Chức (lô 69, khu II) đến ngã ba đất ông Triệu Văn Nì (cách lộ giới QL3 20m)	1.150
7	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m (đường Vân Tùng - Cốc Đán) đến thôn Nà Lạn	200
8	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m (đường Vân Tùng - Thượng Quan) đến đất ông Nguyễn Văn Dương	650
9	Từ đất ông Nguyễn Văn Dương đến cách lộ giới đường Hồ Chí Minh đoạn Vân Tùng là 20m	400
10	Xung quanh chợ Ngân Sơn (cách chợ là 100m)	700
11	Từ cách chợ Ngân Sơn 100m đến đất ông Nguyễn Đức Bê	500
12	Đường Hồ Chí Minh đoạn Vân Tùng	350
13	Đường trục xã từ QL3 - Nghĩa Trang - Lâm Trường - Nà Slác thị trấn Vân Tùng	300

II. BẢNG GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ TẠI ĐÔ THỊ

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	THÀNH PHỐ BẮC KẠN	
	PHƯỜNG PHÙNG CHÍ KIÊN	
1	Từ hết đất ông Hà Như Hội đến hết đất bà Phan Thị Thanh Xuân (thửa đất 374, tờ bản đồ 60)	720
2	Tuyến đường Khu dân cư sau trụ sở Viettel (Từ hết đất ông Dương Văn Hải đến hết đất ông Hoàng Huy Hương, đến hết đất bà Bùi Thị Duyên, đến hết đất ông Nguyễn Văn Lợi, đến hết đất ông Liêu Đức Duy và đến hết đất ông Nguyễn Mạnh Hùng)	1.600
	PHƯỜNG SÔNG CẦU	
1	Khu dân cư Thôm Dầy	
1.1	Trục đường nội bộ khu dân cư có lộ giới 13,5m	4.000
1.2	Trục đường nội bộ khu dân cư có lộ giới 11,5m	3.600
2	Từ cách lộ giới đường Võ Nguyên Giáp là 20m ra đường Thanh Niên (cách lộ giới đường Thanh Niên là 20m)	8.000

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
3	Tuyến đường thành phố Bắc Kạn - hồ Ba Bể (<i>cách lộ giới đường Nông Quốc Chấn là 20m đến hết địa phận phường Sông Cầu</i>)	2.000
4	Từ giáp đất ông Nguyễn Quang Trung đến hết đất ông Lèng Văn Phương	1.600
	PHƯỜNG NGUYỄN THỊ MINH KHAI	
1	Từ đất ông Khương Văn Chính đến ngàm Bắc Kạn	2.400
	PHƯỜNG HUYỀN TỤNG	
1	Khu dân cư Thương mại và Chợ Nguyễn Thị Minh Khai	
1.1	Trục đường bao quanh Chợ Nguyễn Thị Minh Khai	10.400
1.2	Các trục đường còn lại	8.800
	PHƯỜNG XUẤT HÓA	
1	Đường Bản Đồn - Mai Hiên	320
	HUYỆN NGÂN SƠN	
A	THỊ TRẤN VÂN TÙNG	
I	Trục QL3 (đi về phía Nam) dọc hai bên đường	
1	Từ đường rẽ Lâm trường đến hết đất ông Lương Văn Thành	1.600
2	Từ hết đất ông Lương Văn Thành đến cổng Trường Tiểu học Vân Tùng	1.040
3	Từ hết Trường Tiểu học Vân Tùng đến đất bà Hoàng Thị Quế	
3.1	Khu đấu giá quyền sử dụng đất	2.080
3.2	Các khu vực còn lại	1.200
4	Từ hết đất bà Hoàng Thị Quế đến đất bà Hoàng Thị Duyên (<i>đường rẽ Lãng Đôn</i>)	480
5	Từ hết đất bà Hoàng Thị Duyên (<i>Lãng Đôn</i>) đến đường rẽ thôn Cốc Lùng	240
6	Từ đường rẽ thôn Cốc Lùng đến hết đất Cây xăng Đèo Gió	280
7	Từ hết đất Cây xăng Đèo Gió đến giáp đất thị trấn Nà Phặc	560
II	Trục QL3 (đi về phía Bắc) dọc hai bên đường	
1	Từ đường rẽ Lâm trường đến đường rẽ đất ông Triệu Văn Ni	1.200
2	Từ hết đất ông Triệu Văn Ni đến hết địa phận thị trấn Vân Tùng (<i>giáp đất xã Đức Vân</i>)	320
III	Các trục đường khác	

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
1	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m lên Trường Nội trú	600
2	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m lên Trạm Truyền hình và Trường Trung học phổ thông Ngân Sơn	520
3	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m lên đến hết đất trụ sở Lâm trường	400
4	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m đến hết đất ông Hoàng Văn Cầm (khu I)	1.280
5	Từ hết đất ông Hoàng Văn Cầm đến hết đất ông Hoàng Văn Chúc (lô 69, khu II)	1.200
6	Từ hết đất ông Hoàng Văn Chúc (lô 69, khu II) đến ngã ba đất ông Triệu Văn Ni (cách lộ giới QL3 20m)	920
7	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m (đường Vân Tùng - Cốc Đán) đến thôn Nà Lạn	160
8	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m (đường Vân Tùng - Thượng Quan) đến đất ông Nguyễn Văn Dương	520
9	Từ đất ông Nguyễn Văn Dương đến cách lộ giới đường Hồ Chí Minh đoạn Vân Tùng là 20m	320
10	Xung quanh chợ Ngân Sơn (cách chợ là 100m)	560
11	Từ cách chợ Ngân Sơn 100m đến đất ông Nguyễn Đức Bê	400
12	Đường Hồ Chí Minh đoạn Vân Tùng	280
13	Đường trục xã từ QL3 - Nghĩa Trang - Lâm Trường - Nà Slác thị trấn Vân Tùng	240

III. BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT, KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ TẠI ĐÔ THỊ

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	THÀNH PHỐ BẮC KẠN	
	PHƯỜNG PHÙNG CHÍ KIÊN	
1	Từ hết đất ông Hà Như Hối đến hết đất bà Phan Thị Thanh Xuân (thửa đất 374, tờ bản đồ 60)	540
2	Tuyến đường Khu dân cư sau trụ sở Viettel (Từ hết đất ông Dương Văn Hải đến hết đất ông Hoàng Huy Hưởng, đến hết đất bà Bùi Thị Duyên, đến hết đất ông Nguyễn Văn Lợi, đến hết đất ông Liêu Đức Duy và đến hết đất ông Nguyễn Mạnh Hùng)	1.200
	PHƯỜNG SÔNG CẦU	
1	Khu dân cư Thôm Dầy	

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
1.1	Trục đường nội bộ khu dân cư có lộ giới 13,5m	3.000
1.2	Trục đường nội bộ khu dân cư có lộ giới 11,5m	2.700
2	Từ cách lộ giới đường Võ Nguyên Giáp là 20m ra đường Thanh Niên (<i>cách lộ giới đường Thanh Niên là 20m</i>)	6.000
3	Tuyến đường thành phố Bắc Kạn - hồ Ba Bể (<i>cách lộ giới đường Nông Quốc Chấn là 20m đến hết địa phận phường Sông Cầu</i>)	1.500
4	Từ giáp đất ông Nguyễn Quang Trung đến hết đất ông Lèng Văn Phương	1.200
PHƯỜNG NGUYỄN THỊ MINH KHAI		
1	Từ đất ông Khương Văn Chính đến ngàm Bắc Kạn	1.800
PHƯỜNG HUYỀN TỤNG		
1	Khu dân cư Thương mại và Chợ Nguyễn Thị Minh Khai	
1.1	Trục đường bao quanh Chợ Nguyễn Thị Minh Khai	7.800
1.2	Các trục đường còn lại	6.600
PHƯỜNG XUẤT HÓA		
1	Đường Bản Đôn - Mai Hiên	240
HUYỆN NGÂN SƠN		
A	THỊ TRẤN VÂN TÙNG	
I	Trục QL3 (đi về phía Nam) dọc hai bên đường	
1	Từ đường rẽ Lâm trường đến hết đất ông Lương Văn Thành	1.200
2	Từ hết đất ông Lương Văn Thành đến cổng Trường Tiểu học Vân Tùng	780
3	Từ hết Trường Tiểu học Vân Tùng đến đất bà Hoàng Thị Quế	
3.1	Khu đấu giá quyền sử dụng đất	1.560
3.2	Các khu vực còn lại	900
4	Từ hết đất bà Hoàng Thị Quế đến đất bà Hoàng Thị Duyên (<i>đường rẽ Lãng Đôn</i>)	360
5	Từ hết đất bà Hoàng Thị Duyên (<i>Lãng Đôn</i>) đến đường rẽ thôn Cốc Lùng	180
6	Từ đường rẽ thôn Cốc Lùng đến hết đất Cây xăng Đèo Gió	210
7	Từ hết đất Cây xăng Đèo gió đến giáp đất thị trấn Nà Phặc	420
II	Trục QL3 (đi về phía Bắc dọc hai bên đường)	
1	Từ đường rẽ Lâm trường đến đường rẽ đất ông Triệu Văn Ni	900

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
2	Từ hết đất ông Triệu Văn Ni đến hết địa phận thị trấn Vân Tùng (<i>giáp đất xã Đức Vân</i>)	240
III	Các trục đường khác	
1	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m lên trường nội trú	450
2	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m lên Trạm Truyền hình và Trường Trung học phổ thông Ngân Sơn	390
3	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m lên đến hết đất trụ sở Lâm trường	300
4	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m đến hết đất ông Hoàng Văn Cầm (<i>khu I</i>)	960
5	Từ hết đất ông Hoàng Văn Cầm đến hết đất ông Hoàng Văn Chức (<i>lô 69, khu II</i>)	900
6	Từ hết đất ông Hoàng Văn Chức (<i>lô 69, khu II</i>) đến ngã ba đất ông Triệu Văn Ni (<i>cách lộ giới QL3 20m</i>)	690
7	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m (<i>đường Vân Tùng - Cốc Đán</i>) đến thôn Nà Lạn	120
8	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m (<i>đường Vân Tùng - Thượng Quan</i>) đến đất ông Nguyễn Văn Dương	390
9	Từ đất ông Nguyễn Văn Dương đến cách lộ giới đường Hồ Chí Minh đoạn Vân Tùng là 20m	240
10	Xung quanh chợ Ngân Sơn (<i>cách chợ là 100m</i>)	420
11	Từ cách chợ Ngân Sơn 100m đến đất ông Nguyễn Đức Bê	300
12	Đường Hồ Chí Minh đoạn Vân Tùng	210
13	Đường trục xã từ QL3 - Nghĩa Trang - Lâm Trường - Nà Slác thị trấn Vân Tùng	180

IV. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	THÀNH PHỐ BẮC KẠN	
	XÃ DƯƠNG QUANG	
1	Tuyến đường thành phố Bắc Kạn - hồ Ba Bể	
1.1	Từ giáp đất phường Sông Cầu đến Cầu Quan Nưa	2.000
1.2	Từ Cầu Quan Nưa đến hết địa phận xã Dương Quang	1.500
2	Đường nội bộ khu dân cư Phặc Tràng	7.400

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	XÃ NÔNG THƯỢNG	
1	Từ cách lộ giới đường Nguyễn Văn Tố 20m đến đất ông Nông Văn Hào	1.500
2	Từ cách lộ giới đường Quốc lộ 3 là 20m vào hết khe Cốc Chanh, thôn Nam Đội Thân, xã Nông Thượng	800
3	Từ cách lộ giới đường Quốc lộ 3 là 20m vào khe Đông Dăm (<i>đoạn đến giáp ngã ba vào kho K97</i>), thôn Nam Đội Thân, xã Nông Thượng	700
4	Từ cách lộ giới đường Nguyễn Văn Tố 20m (<i>đường lên Tỉnh ủy</i>) đến giáp đất phường Phùng Chí Kiên	3.000
	HUYỆN NA RÌ	
	XÃ DƯƠNG SƠN	
1	Đường Quang Phong - Đồng Xá đoạn đường thuộc địa phận xã Dương Sơn	90
	HUYỆN PÁC NẶM	
	XÃ CỔ LINH	
1	Đoạn đường khu dân cư khu vực Mù Là thôn Lũng Phặc, xã Cổ Linh (<i>Từ đất ông Hoàng Văn Tuy đến hết đất xã Cổ Linh, huyện Pác Nặm giáp ranh với đất xã Hồng Thái, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang</i>)	400
	HUYỆN BA BÈ	
	XÃ CHU HƯƠNG	
1	Từ ngã ba đầu nối đường 258 (<i>cũ</i>) (<i>rẽ đi Hà Hiệu</i>) đến hết đất xã Chu Hương	340
	XÃ QUẢNG KHÊ	
1	Tuyến đường 257B: Từ ngã ba rẽ lên Đồn Đền, xã Quảng Khê (<i>đi xã Đồng Phúc</i>) đến hết đất Quảng Khê.	560
	XÃ ĐỒNG PHÚC	
1	Tuyến đường 257B	
1.1	Từ đất xã Đồng Phúc (<i>giáp xã Quảng Khê</i>) đến hết đất ông Hoàng Văn Thề, thôn Tản Lược	560
1.2	Từ hết đất ông Hoàng Văn Thề, thôn Tản Lược đến hết đất bà Hoàng Thị Lan, thôn Nà Thầu.	450
2	Từ đất bà Hoàng Thị Thu, thôn Tản Lược đến hết đất ông Hoàng Văn Vịnh, thôn Bản Chán.	300

V. BẢNG GIÁ ĐẤT THƯỜNG MẠI, DỊCH VỤ TẠI NÔNG THÔN*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	THÀNH PHỐ BẮC KẠN	
	XÃ DƯƠNG QUANG	
1	Tuyến đường thành phố Bắc Kạn - hồ Ba Bể	
1.1	Từ giáp đất phường Sông Cầu đến Cầu Quan Nưa	1.600
1.2	Từ Cầu Quan Nưa đến hết địa phận xã Dương Quang	1.200
2	Đường nội bộ khu dân cư Phặc Tràng	5.920
	XÃ NÔNG THƯỢNG	
1	Từ cách lộ giới đường Nguyễn Văn Tố 20m đến đất ông Nông Văn Hào	1.200
2	Từ cách lộ giới đường Quốc lộ 3 là 20m vào hết khe Cốc Chanh, thôn Nam Đội Thân, xã Nông Thượng	640
3	Từ cách lộ giới đường Quốc lộ 3 là 20m vào khe Đông Đăm (<i>đoạn đến giáp ngã ba vào kho K97</i>), thôn Nam Đội Thân, xã Nông Thượng	560
4	Từ cách lộ giới đường Nguyễn Văn Tố 20m (<i>đường lên Tỉnh ủy</i>) đến giáp đất phường Phùng Chí Kiên	2.400
	HUYỆN NA RÌ	
	XÃ DƯƠNG SƠN	
1	Đường Quang Phong - Đông Xá đoạn đường thuộc địa phận xã Dương Sơn	72
	HUYỆN PÁC NẶM	
	XÃ CỔ LINH	
1	Đoạn đường khu dân cư khu vực Mù Là thôn Lũng Phặc, xã Cổ Linh (<i>Từ ông Hoàng Văn Tuy đến hết đất xã Cổ Linh, huyện Pác Nặm giáp ranh với đất xã Hồng Thái, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang</i>)	320
	HUYỆN BA BỂ	
	XÃ CHU HƯƠNG	
1	Từ ngã ba đầu nối đường 258 (<i>cũ</i>) (<i>rẽ đi Hà Hiệu</i>) đến hết đất xã Chu Hương	270
	XÃ QUẢNG KHÊ	
1	Tuyến đường 257B: Từ ngã ba rẽ lên Đồn Đền, xã Quảng Khê (<i>đi xã Đông Phúc</i>) đến hết đất Quảng Khê.	450
	XÃ ĐỒNG PHÚC	
1	Tuyến đường 257B	

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
1.1	Từ đất xã Đồng Phúc (<i>giáp xã Quảng Khê</i>) đến hết đất ông Hoàng Văn Thê, thôn Tân Lược	450
1.2	Từ hết đất ông Hoàng Văn Thê, thôn Tân Lược đến hết đất bà Hoàng Thị Lan, thôn Nà Thầu.	360
2	Từ đất bà Hoàng Thị Thu, thôn Tân Lược đến hết đất ông Hoàng Văn Vịnh, thôn Bản Chán.	240

**VI. BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT, KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP
KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ TẠI NÔNG THÔN**

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	THÀNH PHỐ BẮC KẠN	
	XÃ DƯƠNG QUANG	
1	Tuyến đường thành phố Bắc Kạn - hồ Ba Bể	
1.1	Từ giáp đất phường Sông Cầu đến Cầu Quan Nưa	1.200
1.2	Từ Cầu Quan Nưa đến hết địa phận xã Dương Quang	900
2	Đường nội bộ khu dân cư Phặc Tràng	4.440
	XÃ NÔNG THƯỢNG	
1	Từ cách lộ giới đường Nguyễn Văn Tố 20m đến đất ông Nông Văn Hảo	900
2	Từ cách lộ giới đường Quốc lộ 3 là 20m vào hết khe Cốc Chanh, thôn Nam Đội Thân, xã Nông Thượng	480
3	Từ cách lộ giới đường Quốc lộ 3 là 20m vào khe Đông Dăm (<i>đoạn đến giáp ngã ba vào kho K97</i>), thôn Nam Đội Thân, xã Nông Thượng)	420
4	Từ cách lộ giới đường Nguyễn Văn Tố 20m (<i>đường lên Tỉnh ủy</i>) đến giáp đất phường Phùng Chí Kiên	1.800
	HUYỆN NA RÌ	
	XÃ DƯƠNG SƠN	
1	Đường Quang Phong-Đông Xá đoạn đường thuộc địa phận xã Dương Sơn	54
	HUYỆN PÁC NẶM	
	XÃ CỔ LINH	
1	Đoạn đường khu dân cư khu vực Mù Là thôn Lũng Phặc, xã Cổ Linh (<i>Từ đất ông Hoàng Văn Tuy đến hết đất xã Cổ Linh, huyện Pác Nặm giáp ranh với đất xã Hồng Thái, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang</i>)	240

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
HUYỆN BA BÈ		
XÃ CHU HƯƠNG		
1	Từ ngã ba đầu nối đường 258 (cũ) (rẽ đi Hà Hiệu) đến hết đất xã Chu Hương	200
XÃ QUẢNG KHÊ		
1	Tuyến đường 257B: Từ ngã ba rẽ lên Đồn Đền, xã Quảng Khê (đi xã Đồng Phúc) đến hết đất Quảng Khê.	330
XÃ ĐỒNG PHÚC		
1	Tuyến đường 257B	
1.1	Từ đất xã Đồng Phúc (giáp xã Quảng Khê) đến hết đất ông Hoàng Văn Thê, thôn Tản Lượ	330
1.2	Từ hết đất ông Hoàng Văn Thê, thôn Tản Lượ đến hết đất bà Hoàng Thị Lan, thôn Nà Thầu.	270
2	Từ đất bà Hoàng Thị Thu, thôn Tản Lượ đến hết đất ông Hoàng Văn Vịnh, thôn Bản Chán.	180

VII. GHI CHÚ:

1. Thay cụm từ “Xã Vân Tùng” thành “Thị trấn Vân Tùng” trên Bảng giá các loại đất.

2. Bãi bỏ mục “B. Khu vực xã Vân Tùng” thuộc huyện Ngân Sơn tại các mục: “IX. Bảng giá đất ở tại nông thôn”, “X. Bảng giá đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn”, “XI. Bảng giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn” tại Bảng giá đất kèm theo Quyết định số 06/2020/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

3. Bãi bỏ tuyến “Đường trục xã từ QL3 - Nghĩa Trang - Lâm Trường - Nà Slác xã Vân Tùng” mục “Xã Vân Tùng” - huyện Ngân Sơn tại các mục: “IV. Bảng giá đất ở tại nông thôn”, “V. Bảng giá đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn”, “VI. Bảng giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn” tại Bảng giá đất kèm theo Quyết định số 51/2022/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn./.